

Bản án số: 141/2025/HC-PT

Ngày: 26-02-2025

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Văn Thường

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Cường

bà Võ Thị Ngọc Dung

- **Thư ký phiên tòa:** bà Đặng Ngọc Gia Linh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 455/2024/TLPT-HC ngày 19 tháng 11 năm 2024 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 44/2024/HC-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 375/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Phạm Trung T; địa chỉ: Số D P, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: ông Thiệu Quang V - Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B; vắng mặt.

2.2. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: ông **Đỗ S** – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã B, huyện B.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B; vắng mặt.

3.2. Bà **Phạm Thị C**; địa chỉ: thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

3.3. Ông **Lưu Văn H**; địa chỉ: thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lưu Văn H: Ông **Trần Văn N**; địa chỉ: **Số B** đường E, N, phường P, quận B, thành phố Hà Nội (Giấy ủy quyền ngày 11/4/2023); có mặt.

3.4. Bà **Trần Thị N1**, sinh năm 1965.

3.5. Ông **Lưu L**, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

Người kháng cáo: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Lưu Văn H**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 09/9/2022; đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung nộp ngày 11/11/2022; bản tự khai nộp ngày 27/02/2023; trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người khởi kiện là ông **Phạm Trung T** trình bày:*

Nguồn gốc đất: Ngày 19/5/1991, ông **Phạm Trung T** làm đơn xin nhận diện tích 250 ha đất trống, đồi núi trọc ở thôn T, xã B, huyện B tỉnh Quảng Ngãi để trồng cây, sản xuất phát triển kinh tế rừng, đơn này được các cấp chính quyền xét duyệt.

Ngày 24/12/1991, cuộc họp đại diện các ban ngành gồm: Chi bộ Đảng, Ban thôn, Hội đồng nhân dân xã, Chi hội phụ nữ, Ban quân sự độc lập, Trường tiểu học xã B, đồng bào dân tộc thôn T, đồng bào người kinh thôn T và đồng bào kinh tế mới xã B, kết quả nhất trí cho ông **Phạm Trung T** nhận đất để trồng cây lâm nghiệp. Biên bản gửi lên UBND tỉnh Quảng Ngãi, Sở Nông Lâm nghiệp tỉnh Quảng Ngãi, Ban chỉ đạo phát triển trung du miền núi Q, Ban định canh định cư tỉnh Quảng Ngãi, UBND huyện B, Hạt Kiểm lâm huyện B, Phòng Nông lâm nghiệp huyện B và UBND xã B đều đồng ý cho ông **Phạm Trung T** nhận

200 ha đất tự nhiên đồi núi trọc để ông **Phạm Trung T** trồng cây phát triển kinh tế rừng.

Hợp tác xã nông nghiệp xã B và **UBND xã B** khảo sát thực địa và có Văn bản ngày 20/02/1992 đồng ý cho ông **Phạm Trung T** nhận 200 ha chuyển cấp trên có thẩm quyền xem xét giải quyết.

Năm 1993, **Hạt Kiểm lâm huyện B** và **Phòng Nông Lâm nghiệp huyện B** thống nhất cho ông **Phạm Trung T** nhận đất phát triển kinh tế rừng theo diện tích 200 ha đất đã xin và đồng ký chuyển **UBND huyện B** quyết định giao đất theo thẩm quyền.

Ngày 05/11/1994, **UBND huyện B** có Công văn số 121/CV-UB xét duyệt cấp cho ông **Phạm Trung T** diện tích 147,6 ha đất trồng đồi núi trọc, tại **thôn T, xã B, huyện B** để ông **Phạm Trung T** trồng cây phát triển kinh tế rừng và trình **UBND tỉnh Quảng Ngãi** xem xét.

Ngày 31/5/1997, **UBND tỉnh Quảng Ngãi** ban hành Quyết định số 1560/QĐ-UB giao cho ông **Phạm Trung T** diện tích 147,6 ha đất lâm nghiệp, đất trồng đồi trọc tại **thôn T, xã B** để trồng cây phát triển kinh tế rừng, thời hạn sử dụng 50 năm, tính từ ngày 15/10/1993. Vì vậy, ông **T** đã đầu tư trồng cây và giúp địa phương làm đường, xây dựng các cơ sở phúc lợi tại **thôn T, xã B** để tạo điều kiện cho bà con địa phương có việc làm, nhất là đồng bào dân tộc ít người các huyện miền núi trong tỉnh Quảng Ngãi và người dân trong thôn, xóm có điều kiện sinh hoạt, góp phần phát triển kinh tế, nâng cao đời sống.

Việc sử dụng đất: Sau khi nhận đất, ông **Phạm Trung T** khai thác sử dụng đất đúng mục đích, riêng diện tích 1.315m², thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 38 nằm trong lô đất số II, khoảnh 19, 20, 21 được **UBND tỉnh Quảng Ngãi** cấp cho ông **Phạm Trung T** tại Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/5/1997 nhưng bà **Phạm Thị C** tranh chấp với ông và khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1560/QĐ-UB đã được Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết tại Bản án số 25/2021/HC-ST ngày 16/9/2021.

Khi giải quyết tại Tòa án, ông **Phạm Trung T** mới biết thửa đất số 97, diện tích 1.315m², tờ bản đồ số 38 **xã B**, đã được **UBND huyện B** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông **Lưu Văn H** và bà **Trần Thị N1**, có tên trong sổ Địa chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, căn cứ pháp lý vào sổ Quyết định số 637/2004/QĐUBND (H). Vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00741 ngày 10/3/2005.

Như vậy, thửa đất số 97, diện tích 1.315m², tờ bản đồ số 38 **xã B, UBND huyện B** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông **Lưu Văn H**, bà **Trần Thị Ngọc L1** đã cấp chồng lên diện tích đất nằm trong lô đất số II, khoảnh 19, 20, 21 mà **UBND tỉnh Quảng Ngãi** cấp cho ông **Phạm Trung T** tại Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/5/1997.

Vì diện tích 1.315m² đất này theo bản đồ giao đất, giao rừng năm 1993, thuộc lô đất số II, khoảnh 19, 20, 21 có vị trí sát đường đi, tiện lợi cho việc xây

dựng cơ sở phúc lợi có ích cho người dân địa phương nên năm 1994 ông **Phạm Trung T** xin phép **UBND xã B** san ủi mặt bằng xây dựng trạm xá. Đến năm 1999, ông **T** xây dựng trạm xá xong, mặt bằng diện tích đất còn lại trong đó có diện tích 1.315m² này ông **T** dự kiến tiếp tục tạo kinh phí để trồng cây thuốc nam giúp nhân dân **thôn T** bệnh.

Theo phụ lục Công văn số 121/CV-UB ngày 05/11/1994 của **UBND huyện B**, diện tích 1.315m² đất này nằm trong lô đất số II, khoảnh 19, 20, 21 mà **UBND huyện B** trình **UBND tỉnh Quảng Ngãi** cấp đất cho ông **Phạm Trung T** tại Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/5/1997.

Sự việc xảy ra: Bà **Phạm Thị C** khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hủy một phần Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/5/1997 của **UBND tỉnh Quảng Ngãi**, ông **Phạm Trung T** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên ông **Phạm Trung T** mới biết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 38 **xã B, huyện B**, diện tích 1.315m², loại đất vườn đã được **UBND huyện B** cấp cho hộ ông **Lưu Văn H** và bà **Trần Thị Ngọc** .

Sau khi vụ án được xét xử tại Bản án số 25/2021/HC-ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, ông **Phạm Trung T** xin sao lục hồ sơ vụ án mới xác định được đối tượng khởi kiện là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 00741 do **UBND huyện B** cấp cho hộ ông **Lưu Văn H** và bà **Trần Thị N1** đối với thửa đất số 97, tờ bản đồ số 38 **xã B, huyện B**, diện tích 1.315m², loại đất vườn; căn cứ pháp lý vào sổ Quyết định số 637/2004/QĐ-UBND (H) thể hiện tại trang số 100 của Sổ Địa chính **xã B, huyện B** được Sở Địa chính tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt ngày 10/3/2006 và trang số 75 của Sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của **UBND xã B** được Sở Địa chính tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt ngày 10/3/2006; Quyết định số 637/2004/QĐ-UBND (H) **UBND huyện B** về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông **Lưu Văn H**, bà **Trần Thị N1** đối với thửa đất số 97, diện tích 1.315m², loại đất vườn, tờ bản đồ số 38 **xã B, huyện B tỉnh Quảng Ngãi**, thể hiện tại trang số 100 của Sổ Địa chính **xã B, huyện B** được Sở Địa chính tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt ngày 10/3/2006 và trang số 75 của Sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của **UBND xã B** được Sở Địa chính tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt ngày 10/3/2006.

Từ những tài liệu ông **Phạm Trung T** xin sao lục tại Tòa án là cơ sở pháp lý để cho ông **Phạm Trung T** xác định được **UBND huyện B** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông **Lưu Văn H**, bà **Trần Thị N1** vào sổ cấp GCN: 00741 ngày 10/3/2005 là không đúng quy định.

Việc đo đạc, kê khai, lập thủ tục của **UBND xã B** để tham mưu cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông **Lưu Văn H** là có sự nhầm lẫn, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không đúng nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

Nay ông **Phạm Trung T** yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00741 do UBND huyện B cấp cho hộ ông Lưu Văn H và bà Trần Thị N1 đối với thửa đất số 97, diện tích 1.315m², loại đất vườn, tờ bản đồ số 38 xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, căn cứ pháp lý vào sổ Quyết định số 637/2004/QĐUBND (H), thể hiện tại trang số 100 của Sổ Địa chính xã B, huyện B được Sở Địa chính tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt ngày 10/3/2006 và trang số 75 của Sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND xã B được Sở Địa chính tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt ngày 10/3/2006.

Hủy Quyết định số 637/2004/QĐ-UBND (H) UBND huyện B về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lưu Văn H và bà Trần Thị N1 đối với thửa đất số 97, diện tích 1.315m², loại đất vườn, tờ bản đồ số 38 xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, thể hiện tại trang số 100 của Sổ Địa chính xã B, huyện B được Sở Địa chính tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt ngày 10/3/2006 và trang số 75 của Sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND xã B được Sở Địa chính tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt ngày 10/3/2006.

Về yêu cầu độc lập của ông Lưu Văn H: Ngày 01/6/2023, ông Lưu Văn H có yêu cầu độc lập về hủy một phần Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/5/1997 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao đất lâm nghiệp để phát triển sản xuất kinh tế rừng cho ông Phạm Trung T, tại xã B, huyện B, cụ thể hủy thửa đất thuộc lô đất số II, khoảnh 19, 20, 21 tại bản đồ giao đất rừng có diện tích 1.315m² loại đất vườn xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, sự việc này đã được Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử tại Bản án số 25/2021/HC-ST ngày 16/9/2021 do bà Phạm Thị C là người khởi kiện, ông Lưu Văn H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đối với nội dung này, không rõ lý do gì mà bản đồ chỉnh lý năm 2003 tự tách ra thành thửa đất số 97, tờ bản đồ số 38, diện tích 1.315m² có tên bà Phạm Thị C đứng ra kê khai, trong khi đó chưa có sự đồng ý của ông T và ông cũng không có đơn xin tách thửa. Hơn nữa, vùng đất này ông Phạm Trung T bỏ tiền ra san ủi mặt bằng xây dựng trạm xá bàn giao cho UBND xã B, trạm xá hiện nay vẫn còn.

Bà Phạm Thị C nguyên trước kia có nhà đất ở tại xóm N, thôn T. Năm 1993, nhà bị cháy bà không dám ở trên đó nên gia đình bà C xuống dưới này làm nhà ở bên kia đường đôi diện với lô đất của ông T. Như vậy năm 1993, gia đình bà C mới xuống làm nhà ở tại đây (phía bên kia đường), không liên quan đến vùng đất bên này đường của ông T. Một thời gian sau, bà C tự ý làm chuồng bò qua vùng đất của ông T, ông đã nhắc nhở nhiều lần, yêu cầu bà không được làm chuồng bò ở đó vì sát với trạm xá sẽ gây ô nhiễm nhưng bà C không chịu tháo dỡ, cố tình chống đối, chiếm dụng đất của ông. Bên cạnh đó, cũng vì trạm xá ít hoạt động không có người ở quản lý và kế hoạch trồng cây thuốc nam cũng chưa thực hiện được, lợi dụng đất bỏ không, bằng phẳng nên bà Phạm Thị C lén trồng cỏ để nuôi bò. Đồng thời, đầu năm 2014 bà Phạm Thị C được nhà nước hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà tình nghĩa, bà C không đem về xây dựng tại khu vườn cũ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có đất ở mà lại đem xây dựng trên thửa đất này, trong khi thửa đất này bà C tự ý kê khai trong bản đồ

năm 2003 loại đất BHK nên UBND xã B đến lập biên bản làm nhà trái phép và ban hành Thông báo số 05/TB-UBND ngày 21/3/2014 đình chỉ không cho bà Phạm Thị C xây dựng nhà.

Bà Phạm Thị C cũng đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hủy Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/5/1997 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, hủy Thông báo số 05/TB-UBND ngày 21/3/2014 của Chủ tịch UBND xã B và yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của UBND xã B không thực hiện việc bà C xin lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 38, diện tích 1.315m² cho bà. Bà C còn yêu cầu UBND xã B phải bồi thường 54.080.000 đồng tiền vật tư bị hư hỏng do việc đình chỉ gây ra. Việc này đã được Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử tại Bản án số 25/2021/HC-ST ngày 16/9/2021, do bà Phạm Thị C là người khởi kiện, ông Lưu Văn H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tuy nhiên đến nay, bà Phạm Thị C và ông Lưu Văn H đều không biết ông H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất này, bản thân bà C đã yêu cầu UBND xã B lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền đất cho bà.

Việc ông Lưu Văn H yêu cầu độc lập hủy Quyết định số 1560/QĐUB ngày 31/5/1997 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao đất lâm nghiệp để phát triển sản xuất kinh tế rừng cho ông Phạm Trung T tại xã B, huyện B. Cụ thể hủy thửa đất thuộc lô đất số II, khoảnh 19, 20, 21 tại bản đồ giao đất rừng có diện tích 1.315m² loại đất vườn tại xã B là không đúng, vì sự việc này đã được giải quyết tại Bản án số 25/2021/HC-ST ngày 16/9/2021 và cũng không có tình tiết mới.

** Tại Văn bản số 182/UBND-NC ngày 19/01/2023, Văn bản số 585/UBND ngày 01/3/2024, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B trình bày:*

Về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lưu Văn H và bà Trần Thị N1 có số vào sổ 00741/2004/QĐ-UB (H) do UBND huyện B cấp ngày 05/7/2004 đối với thửa đất số 97, tờ bản đồ số 38 xã B, diện tích 1.315m² loại đất vườn và căn cứ pháp lý để cấp Giấy chứng nhận là Quyết định số 637/2004/QĐ-UB (H) của UBND huyện B: Theo ý kiến của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh huyện B cung cấp tại Công văn số 414/CNHBS ngày 27/12/2022 thì hiện không tìm thấy hồ sơ, tài liệu lưu trữ nêu trên tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh huyện B. Do vậy, không có cơ sở để khẳng định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lưu Văn H tại thửa đất nêu trên có đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật hay không, cũng không có hồ sơ, tài liệu để cung cấp. Đồng thời, trên cơ sở kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại thời điểm năm 2004 không tìm thấy hồ sơ thu hồi đất của ông Phạm Trung T đối với phần diện tích nêu trên.

Về hồ sơ địa chính đối với thửa đất số 97, tờ bản đồ số 38 xã B, diện tích 1.315m²: UBND huyện B cung cấp trang sổ Địa chính được UBND xã B lập ngày 31/12/2004 và bản đồ đo vẽ năm 2003 có thửa đất trên.

Ngoài ra, qua theo dõi được biết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 38 xã B, diện tích 1.315m² thuộc một phần diện tích đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/5/1997 về việc giao đất lâm nghiệp để phát triển sản xuất kinh tế rừng cho ông Phạm Trung T. Sau khi bà Phạm Thị C (mẹ của ông Lưu Văn H) biết được thông tin thửa đất số 97, tờ bản đồ số 38 đã được UBND tỉnh giao đất cho ông T thì bà C đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu hủy Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/5/1997 của UBND tỉnh và một số nội dung khác có liên quan. Vụ việc đã được Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý, giải quyết tại Bản án số 25/2021 HCST ngày 16/9/2021.

Đối với khởi kiện của ông Phạm Trung T yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện B cấp cho hộ ông Lưu Văn H và bà Trần Thị N1 có số vào sổ 00741/2004/QĐ-UB (H) và hủy Quyết định số 637/2004 QĐ-UB (H) của UBND huyện B: Đối với phần diện tích 1.315m², thửa đất số 97, tờ bản đồ số 38 xã B đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi giao đất lâm nghiệp để phát triển sản xuất kinh tế rừng cho ông Phạm Trung T tại Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/5/1997, đến năm 2004 lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lưu Văn H và bà Trần Thị N1 đối với phần diện tích đất nêu trên là không đảm bảo theo quy định.

Tại Văn bản số 451/UBND-NC ngày 09/02/2023, Văn bản số 3442/UBND-NC ngày 01/7/2024, người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi trình bày:

Qua rà soát hồ sơ lưu trữ thể hiện phần diện tích 147,6 ha tại xã B, huyện B do UBND tỉnh Quảng Ngãi giao cho ông Phạm Trung T để sản xuất phát triển kinh tế rừng nguyên là đất trống, đồi núi trọc do UBND xã B quản lý. Năm 1991, ông Phạm Trung T có nguyện vọng và đơn mượn đất được đại diện nhân dân trong khu vực, các hội đoàn thể của xã thống nhất, đến ngày 30/10/1992 được UBND xã B thống nhất đề nghị: “*Kính đề nghị Quý cấp xét và tạo điều kiện thuận lợi cho anh Phạm Trung T được mượn diện tích 100 ha tại thôn T để phát triển sản xuất tạo công ăn việc làm cho nhân dân*”. Sau khi được nhân dân trong khu vực và chính quyền xã B thống nhất, ông T đã đầu tư vốn sửa chữa đường giao thông và trồng rừng hỗn hợp trong 2 vụ T1 - Đông 1992 - 1993 và 1993 - 1994 với diện tích 105,3ha (nội dung này được thể hiện tại Công văn số 121/CV-UB ngày 05/11/1994 của UBND huyện B).

Ngày 05/11/1994, UBND huyện B có Công văn số 121/CV- UB về việc xét cấp đất trống, đồi trọc để phát triển kinh tế rừng gửi UBND tỉnh Quảng Ngãi. Trên cơ sở ý kiến đề nghị của UBND xã B, UBND huyện B và ý kiến thống nhất các ngành liên quan; Giám đốc Dự án 327 Nông trường B tại Công văn số 30/CV-DA ngày 05/8/1996; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm Q tại Công văn số 143/CV-KL ngày 23/8/1996; Giám đốc Sở Địa chính Quảng Ngãi tại Tờ trình số 1198/TT ngày 04/10/1996; ngày 31/5/1997, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1560/QĐ-UB về việc giao đất lâm nghiệp để phát

triển sản xuất kinh tế rừng cho ông **Phạm Trung T** tại **xã B, huyện B** để sản xuất phát triển kinh tế rừng đúng quy hoạch sử dụng đất, diện tích 147,6 ha, thời hạn giao đất là 50 năm tính từ ngày 15/10/1993. Vị trí giao đất được thể hiện tại Bản đồ giao đất giao rừng và thiết kế kinh doanh rừng được **Hợp tác xã B, UBND xã B, Hạt kiểm lâm B** và **UBND huyện B** thống nhất ký duyệt năm 1993.

Từ diễn biến về nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đất đối với 147,6 ha tại **xã B, huyện B** thể hiện như trên, **UBND tỉnh Quảng Ngãi** quyết định giao đất cho ông **Phạm Trung T** đảm bảo quy định của Luật Đất đai năm 1993, Nghị định số 02/CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ ban hành quy định về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp. Hơn nữa, việc giao đất cho ông **Phạm Trung T** có sự thống nhất, đồng thuận cao từ đại diện người dân trong khu vực, chính quyền **xã B, UBND huyện B** và các ngành chuyên môn gồm: **Ban Q1; Chi cục Kiểm lâm Q** và đề nghị của **Sở Đ**. Do đó, việc giao đất lâm nghiệp để phát triển sản xuất kinh tế rừng cho ông **Phạm Trung T** tại **xã B, huyện B** là đúng quy định pháp luật.

Tại thời điểm **UBND tỉnh** giao đất lâm nghiệp cho ông **Phạm Trung T** để phát triển sản xuất kinh tế rừng tại **xã B, huyện B**, diện tích đất được giao là 147,6 ha theo Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/5/1997 không có biên bản bàn giao đất trên thực địa cho ông **Phạm Trung T**.

Đối với diện tích đất do ông **Phạm Trung T** san ủi một phần diện tích đất được giao để xây dựng trạm xá cho **thôn T**, ông **T** không lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng rừng sang mục đích khác, đồng thời cũng không có đăng ký mục đích sử dụng đất. Hiện nay trạm xá không còn hoạt động.

Đối với diện tích được giao theo Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/5/1997 của **UBND tỉnh**, hiện trạng trên phần đất này ông **Phạm Trung T** đang sử dụng trồng keo, bạch đàn,..làm trạm xá, nhà ở, trang trại chăn nuôi, hồ nuôi thủy sản. Từ khi ông **T** sử dụng vị trí đất này đến nay chưa lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đối với việc sử dụng đất của ông.

*Tại Báo cáo số 58/BC-UBND ngày 24/02/2023, Công văn số 38/UBND ngày 06/02/2024 và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **UBND xã B** trình bày:*

Về nguồn gốc đất, việc quản lý sử dụng và đăng ký kê khai đối với thửa đất số 97, tờ bản đồ 38 **xã B** như sau:

Theo kết quả kiểm tra hồ sơ địa chính: Về hồ sơ địa chính 299/TTg và các số 5a, 5b: Hiện nay các loại giấy tờ này tại **UBND xã** không còn lưu trữ, vì bảo số 9 năm 2009 đã làm thất lạc nên **UBND xã** không thể cung cấp.

Thửa đất trên thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 38, diện tích 1.315m², loại đất vườn (bản đồ đo vẽ 2003), đã được **UBND huyện B** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông **Lưu Văn H**, số vào sổ 00741/QSDĐ/637/2004 QĐ-UB(H).

Theo kết quả kiểm tra hiện trạng: Hiện nay trên thửa đất số 97, tờ bản đồ 38 xã B đang tồn tại chuồng bò của ông Lưu Văn H; Kết cấu chuồng bò: mái lợp tôn Pro xi măng, tường xây gạch, xà gỗ gỗ; một phần thửa đất ông H đang trồng cỏ.

Theo kết quả xác minh các hộ sử dụng đất liền kề cho biết: Thửa đất trên trước đây là đất của dân kinh tế mới (không nhớ rõ họ tên) vào làm nhà ở được một thời gian, sau đó không nhớ rõ năm nào dân kinh tế mới không ở nữa, thửa đất đó bỏ hoang không ai sử dụng, đến khoảng năm 1984 ông Lưu Văn H đến cải tạo trồng hoa màu xen với trồng cây điều, sau đó ông H đào ao nuôi cá nhưng do điều kiện thiếu nước nên ông H lấp ao lại và đến khoảng năm 1996 xây dựng chuồng bò.

Việc phát sinh tranh chấp giữa ông Phạm Trung T với bà Phạm Thị C: Năm 2017, bà Phạm Thị C phát sinh đơn tranh chấp đất đai với ông Phạm Trung T, UBND xã B đã tổ chức hòa giải 02 lần vào ngày 20/7/2017 và ngày 30/10/2017, kết quả hoà giải không thành.

Ngày 05/02/2024, UBND xã B tổ chức buổi làm việc với ông Đỗ Văn H1, nguyên Công chức Địa chính – Xây dựng xã. Qua buổi làm việc, ông Đỗ Văn H1 cho biết: Vào thời điểm năm 2004, đơn vị tư vấn trực tiếp giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân, còn lại một số Giấy chứng nhận người dân chưa đến nhận, đơn vị tư vấn giao lại cho UBND xã để cấp phát cho chủ sử dụng. Hiện nay thời gian đã lâu nên ông Đỗ Văn H1 không còn nhớ rõ ông có giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 97, tờ bản đồ 38 cho hộ ông Lưu Văn H hay không. Ông Đỗ Văn H1 còn cho biết: Hình thức giao nhận chung vào năm 2004 là ông nhắn công dân trực tiếp đến UBND xã để nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không ban hành thư mời hay thông báo cho công dân. Khi công dân đến ông trực tiếp cấp phát giấy chứng nhận và không lập biên bản bàn giao.

Hiện nay tại UBND xã B không lưu giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện B cấp cho hộ ông Lưu Văn H vào năm 2004 đối với thửa đất số 97, tờ bản đồ 38 xã B.

** Theo đơn yêu cầu độc lập nộp tại Tòa án ngày 04/5/2023 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Văn H và tại phiên tòa, ông Trần Văn N là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ông Phạm Trung T sử dụng đất được giao không đúng mục đích. Tại Điều 1 Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/05/1997 của UBND tỉnh Quảng Ngãi nêu: “Nay giao đất lâm nghiệp cho ông Phạm Trung T, thường trú tại thị trấn C, huyện B. Tại điểm T, xã B, huyện B để sản xuất phát triển kinh tế rừng đúng quy hoạch sử dụng đất, ông T sau khi khai thác Bạch đàn trắng và keo lá tràm ở chu kỳ 1 chuyển sang trồng Cao su với diện tích là 147,6 ha.”. Tuy nhiên, tại thửa đất thuộc lô II, khoảnh 19, 20, 21 tại bản đồ giao đất rừng ông Phạm Trung T đã sử dụng không đúng mục đích từ khi được giao đất cho đến nay.

Chỉ dẫn tại Bản đồ G.Đ.G.R và thiết kế kinh doanh rừng điểm T, xã B tỷ lệ 1/1000 nêu rõ: khu dân cư dự kiến (không cấp); đất nông nghiệp (không cấp); đất khả năng nông nghiệp (không cấp). Tuy nhiên, thửa đất thuộc lô II, khoảnh 19, 20, 21 có 1.315m² lại được xác định là đất BHK. Như vậy, việc cấp 1.315m² đất BHK cho ông **Phạm Trung T** với mục đích trồng rừng là trái quy định của pháp luật.

UBND huyện B đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông **Lưu Văn H** tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 38, diện tích 1.315 m², loại đất vườn tại xã B theo Quyết định số 637/2004/QĐ-UBND vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00741 là hợp pháp và đúng theo quy định. Đồng thời, nguồn gốc thửa đất đã được ông **H** khai hoang từ năm 1984, sử dụng ổn định lâu dài cho đến nay.

Nay ông **Lưu Văn H** yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy một phần Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/05/1997 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao đất Lâm nghiệp để phát triển sản xuất kinh tế rừng cho ông **Phạm Trung T** tại xã B, huyện B. Cụ thể hủy thửa đất thuộc lô II, khoảnh 19, 20, 21 tại bản đồ giao đất rừng có diện tích 1.315 m² loại đất vườn tại xã B tại bản đồ giao đất rừng theo Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/05/1997 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao đất Lâm nghiệp để phát triển sản xuất kinh tế rừng cho ông **Phạm Trung T** tại xã B, huyện B.

*Theo Văn bản trình bày ý kiến nộp tại Tòa án ngày 10/01/2023 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Phạm Thị C** trình bày:*

Bà **Phạm Thị C** là chủ sử dụng thửa đất số 97, tờ bản đồ số 38 xã B huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, đã được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00741/2004/QĐ-UB (H) ngày 06/7/2004 (Thông tin từ Công văn số 2033/UBND-NC ngày 07/9/2020 của UBND huyện B) cho vợ chồng ông **Lưu Văn H - Trần Thị N1** (con bà **Phạm Thị C**) vào năm 2004.

Đất có nguồn gốc do vợ chồng **Lưu Văn H - Trần Thị N1** khai hoang bụi rậm để trồng cây đào từ năm 1984, diện tích khoảng 5.000m²; về sau, do cây đào không đem lại hiệu quả nên chuyển sang trồng thơm, một số cây ăn quả như mít, xoài, chanh...

Năm 1993, nhà bà **Phạm Thị C** (tại xóm N, thôn T, xã B, tỉnh Quảng Ngãi) bị cháy nên vợ chồng ông **H** cho bà **C** phân đất phía Nam để làm chuồng bò và làm một căn nhà tranh tre để ở. Phần đất này nay là thửa đất số 97, tờ bản đồ số 38, diện tích 1.315m² tại bộ địa chính xã B, theo bản đồ đo vẽ năm 2003 (Sau đây gọi tắt là thửa đất số 97). Phần đất phía Bắc là thửa đất số 31, tờ bản đồ số 38, diện tích 1.633m² đã được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: Đ.616380, vào sổ số: QC 743/QSĐĐ/637/QĐ-UB(H) ngày 28/5/2004 cho vợ chồng **H - N1**.

Tuy là đất ông **H** cho bà **C** làm nhà nhưng khi kê khai, đăng ký thì vợ chồng ông **H** kê khai, do bà **C** đã cao tuổi và sống một mình nên vào năm 2004, UBND huyện B đã xét cấp thửa đất 97 cho vợ chồng **H - N1**. Như vậy, theo xác

nhận của chính quyền địa phương cũng như thể hiện trên các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thì thửa đất số 97 do vợ chồng **Lưu Văn H** đưa vào khai thác sử dụng từ năm 1984 và đến ngày 06/7/2004 thì được **UBND huyện B** xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 31/5/1997, ông **Phạm Trung T** đã lập hồ sơ để xin **UBND tỉnh Quảng Ngãi** cấp không nhiều lô đất với tổng diện tích là 142,6 ha (31,5 ha khoảnh 1; 22,8 ha khoảnh 2; 29,3 ha khoảnh 4; 9,4 ha khoảnh 6; 36 ha khoảnh 8; 13,6 ha khoảnh 9) bao chiếm luôn phần diện tích đất mà gia đình ông **H** đã khai phá, đưa vào sử dụng từ năm 1987 và đã giao cho bà **C** ở riêng, làm nhà tạm, chuồng bò năm 1993.

Sau khi được **UBND tỉnh Quảng Ngãi** ban hành Quyết định số 1560/QĐUB ngày 31/5/1997 để giao đất, ông **T** không đưa đất vào sử dụng trong khi trên đất đã có nhà ở và các công trình phụ của bà **C** đã tạo lập từ năm 1987 và làm nhà ở từ năm 1993.

Năm 2014, sau khi được **UBND xã B** thông báo Nhà nước hỗ trợ 40 triệu đồng để làm nhà tình nghĩa, bà **C** đã tiến hành xây dựng nhà thì bị **UBND xã B** ra Thông báo số 05/TB-UBND ngày 21/3/2014 đình chỉ việc làm nhà trái phép. Từ đây, ông **Phạm Trung T** mới biết đất ông được cấp năm 1997 chính là đất đã có chuồng bò, nhà ở của bà **C** từ năm 1993 và tiến hành tranh chấp với gia đình bà **C**. Ông **T** đã biết việc vợ chồng ông **Lưu Văn H** được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ trước ngày 29/6/2021 nhưng mãi đến nay mới khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hết thời hiệu khởi kiện.

Nay bà **C** đề nghị Đình chỉ giải quyết vụ án thụ lý số 57/2022/TLST-HC ngày 24/11/2022 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, buộc **UBND huyện B** giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 637/2004/QĐ-UB(H) ngày 06/7/2004 của **UBND huyện B** tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 38, diện tích 1.315m² **xã B** cho hộ gia đình ông **Lưu Văn H**, bà **Trần Thị Ngọc**.

*Theo đơn từ chối tham gia tố tụng nộp tại Tòa án ngày 11/12/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Trần Thị N1**, ông **Lưu L** trình bày:*

Các ông bà đều thống nhất toàn bộ nội dung yêu cầu độc lập của ông **Lưu Văn H**.

Bản án hành chính sơ thẩm số 44/2024/HC-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 00741 do **UBND huyện B** cấp cho hộ ông **Lưu Văn H** và bà **Trần Thị N1** đối với thửa đất số 97, tờ bản đồ số 38 **xã B, huyện B**, diện tích 1.315m², loại đất vườn; căn cứ pháp lý vào sổ: Quyết định số 637/2004/QĐ-UB (H), thể hiện tại trang số 100 của Sổ địa chính **xã B, huyện B** được Sở Địa chính tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt

ngày 10/3/2006 và trang số 75 của Sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND xã B được Sở Địa chính tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt ngày 10/3/2006.

- Hội Quyết định số 637/2004/QĐ-UB (H) của UBND huyện B về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lưu Văn H và bà Trần Thị N1 đối với thửa đất số 97, tờ bản đồ số 38 xã B, huyện B, diện tích 1.315m², loại đất vườn thể hiện tại trang số 100 của Sổ địa chính xã B, huyện B được Sở Địa chính tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt ngày 10/3/2006 và trang số 75 của Sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND xã B được Sở Địa chính tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt ngày 10/3/2006.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Lưu Văn H về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/05/1997 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao đất Lâm nghiệp để phát triển sản xuất kinh tế rừng cho ông Phạm Trung T tại xã B, huyện B. Cụ thể hủy thửa đất thuộc lô II, khoảnh 19, 20, 21 tại bản đồ giao đất rừng có diện tích 1.315 m² loại đất vườn tại xã B tại bản đồ giao đất rừng theo Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/05/1997 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao đất Lâm nghiệp để phát triển sản xuất kinh tế rừng cho ông Phạm Trung T tại xã B, huyện B.

- Ông Lưu Văn H không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án, nếu việc khởi kiện này không có gì khác với vụ án đã bị đình chỉ về người khởi kiện, người bị kiện và quan hệ pháp luật có tranh chấp theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/9/2024 Ông Lưu Văn H kháng cáo đề nghị hủy án với lý do: bỏ sót người tham gia tố tụng đó là con ông H; Thư ký phiên tòa sơ thẩm đã tham gia thư ký Bản án số 25/2021/HC-ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; yêu cầu của ông T đã hết thời hiệu khởi kiện.

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị xét xử vắng mặt đương sự và không chấp nhận kháng cáo của ông H và giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét nội dung kháng cáo của ông H; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Án sơ thẩm hủy Quyết định số 637/2004/QĐ-UB (H) của UBND huyện B về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lưu Văn H và bà Trần Thị N1 đối với thửa đất số 97, tờ bản đồ số 38 xã B, huyện B, diện tích 1.315m², loại đất vườn thể hiện tại trang số 100 của Sổ địa chính xã B, huyện B được Sở Địa chính tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt ngày 10/3/2006 và trang số 75 của Sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND xã B được Sở Địa chính tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt ngày 10/3/2006 là có căn cứ đúng quy định pháp luật. Bởi lẽ:

[1.1] Nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đối với 147,6 ha tại xã B, huyện B do UBND tỉnh Quảng Ngãi giao cho ông Phạm Trung T để sản xuất phát triển kinh tế rừng là đất trồng, đồi núi trọc do UBND xã B quản lý. Năm 1991, ông Phạm Trung T có nguyện vọng và đơn mượn đất được đại diện nhân dân trong khu vực, các hội đoàn thể của xã thống nhất, đến ngày 30/10/1992 được UBND xã B thống nhất đề nghị: “*Kính đề nghị Quý cấp xét và tạo điều kiện thuận lợi cho anh Phạm Trung T được mượn diện tích 100 ha tại thôn T để phát triển sản xuất tạo công ăn việc làm cho nhân dân*”. Sau khi được nhân dân trong khu vực và chính quyền xã B thống nhất, ông T chưa hoàn thành các thủ tục pháp lý và chưa được cấp có thẩm quyền quyết định giao đất nhưng đã đầu tư vốn sửa chữa đường giao thông và trồng rừng hỗn hợp trong 2 vụ T1 - Đông 1992 - 1993 và 1993 - 1994 với diện tích 105,3 ha.

[1.2] Ngày 05/11/1994, UBND huyện B có Công văn số 121/CV- UB về việc xét cấp đất trồng, đồi trọc để phát triển kinh tế rừng gửi UBND tỉnh Quảng Ngãi. Trên cơ sở ý kiến đề nghị của UBND xã B, UBND huyện B và ý kiến thống nhất các ngành liên quan: Giám đốc Dự án 327; Nông trường B tại Công văn số 30/CV-DA ngày 05/8/1996; Chi cục Trưởng Chi cục Kiểm lâm Q tại Công văn số 143/CV-KL ngày 23/8/1996; Giám đốc Sở Địa chính Quảng Ngãi tại Tờ trình số 1198/TT ngày 04/10/1996; ngày 31/5/1997, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1560/QĐ-UB về việc giao đất lâm nghiệp để phát triển sản xuất kinh tế rừng cho ông Phạm Trung T tại xã B, huyện B để sản xuất phát triển kinh tế rừng đúng quy hoạch sử dụng đất, diện tích 147,6 ha, thời hạn giao đất là 50 năm tính từ ngày 15/10/1993. Vị trí giao đất được thể hiện tại bản đồ G.Đ.G.R và thiết kế kinh doanh rừng được Hợp tác xã B, UBND xã B, Tổ quản lý ruộng đất huyện B, Hạt kiểm lâm và UBND huyện B thống nhất ký duyệt năm 1993.

[1.3] Còn UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GGN: 00741 và Quyết định số 637/2004/QĐ-UB (H) cho hộ ông Lưu Văn H và bà Trần Thị N1 đối với thửa đất số 97, tờ bản đồ số 38 xã B, huyện B, diện tích 1.315m², loại đất vườn thuộc một phần diện tích đất 147,6 ha đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/5/1997 về việc giao đất lâm nghiệp để phát triển sản xuất kinh tế rừng cho ông Phạm Trung T. Trong khi đó ông T được UBND tỉnh Quảng Ngãi giao đất đến nay, diện tích đất này chưa bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi, Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/5/1997 đang có hiệu lực pháp luật.

[1.4] Mặt khác, UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 97, tờ bản đồ số 38 xã B, diện tích 1.315m² cho hộ ông Lưu Văn H đã cấp chồng trên một phần diện tích đất 147,6 ha do UBND tỉnh Quảng Ngãi giao cho ông Phạm Trung T tại Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/5/1997 là không đảm bảo về trình tự, thủ tục, nội dung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2003, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.

[2] Án sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện độc lập của ông **Luu Văn H** về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/05/1997 của **UBND tỉnh Quảng Ngãi** về việc giao đất Lâm nghiệp để phát triển sản xuất kinh tế rừng cho ông **Phạm Trung T** tại xã **B**, huyện **B**. Cụ thể hủy thửa đất thuộc lô II, khoảnh 19, 20, 21 tại bản đồ giao đất rừng có diện tích 1.315 m² loại đất vườn tại xã **B** tại bản đồ giao đất rừng theo Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/05/1997 của **UBND tỉnh Quảng Ngãi** về việc giao đất Lâm nghiệp để phát triển sản xuất kinh tế rừng cho ông **Phạm Trung T** tại xã **B**, huyện **B** là có căn cứ đúng quy định pháp luật. Bởi lẽ:

[2.1] Trong vụ án bà **Phạm Thị C** là người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết nhiều nội dung, trong đó có yêu cầu hủy Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/5/1997 của **UBND tỉnh Quảng Ngãi** về việc giao đất Lâm nghiệp để phát triển sản xuất kinh tế rừng cho ông **Phạm Trung T** tại xã **B**, huyện **B**. Ông **Luu Văn H** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã trình bày: *Ngày 25 tháng 03 năm 2020, tôi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa, tôi có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C như sau: 1. Hủy Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/5/1997 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao đất Lâm nghiệp để phát triển sản xuất kinh tế rừng cho ông Phạm Trung T tại xã B, huyện B.... Tôi hoàn toàn đồng ý yêu cầu Tòa án chấp nhận, yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C để bà C sớm được làm nhà.*

[2.2] Bản án số 25/2021/HC-ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã nhận định: đối với Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/5/1997 **UBND tỉnh Quảng Ngãi** đã xác định vào ngày 10/01/2018, bà **Phạm Thị C** đã biết được việc **UBND tỉnh Quảng Ngãi** ban hành Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/5/1997 giao đất Lâm nghiệp để phát triển sản xuất kinh tế rừng cho ông **Phạm Trung T** tại xã **B**, huyện **B**; đến ngày 10/02/2020, ngày 02/3/2020 và ngày 25/3/2020, bà **Phạm Thị C** mới khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1560/QĐ-UB nêu trên là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính. Việc bà **C** cho rằng đến tháng 8/2019 bà mới biết **UBND tỉnh Quảng Ngãi** ban hành Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/5/1997 giao phần đất này cho ông **T** để phát triển sản xuất kinh tế rừng là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Và đã quyết định: đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với các yêu cầu khởi kiện của bà **Phạm Thị C** về việc: hủy Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/5/1997 của **UBND tỉnh Quảng Ngãi** về việc giao đất Lâm nghiệp để phát triển sản xuất kinh tế rừng cho ông **Phạm Trung T** tại xã **B**, huyện **B** ...

[2.3] Như vậy, ngày 31/3/2020 ông **H** đã biết Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/5/1997 của **UBND tỉnh Quảng Ngãi** về việc giao đất Lâm nghiệp để phát triển sản xuất kinh tế rừng cho ông **T** nhưng đến ngày 04/5/2023, ông **Luu Văn H** yêu cầu hủy Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/5/1997 của **UBND tỉnh Quảng Ngãi** là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Ông **Lưu Văn H** kháng cáo đề nghị hủy án với lý do: bỏ sót người tham gia tố tụng đó là con ông **H**, Thư ký phiên tòa sơ thẩm đã tham gia thư ký Bản án số 25/2021/HC-ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, yêu cầu của ông **T** đã hết thời hiệu khởi kiện là không có căn cứ và không đúng pháp luật. Bởi lẽ: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 00741 do **UBND huyện B** cấp cho hộ ông **Lưu Văn H** và bà **Trần Thị Ngọc T2** khi đó các con không có ý kiến gì, Thư ký phiên tòa sơ thẩm đã tham gia thư ký Bản án số 25/2021/HC-ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhưng khác chủ thể tham gia tố tụng, khác đối tượng khởi kiện không liên quan đến vụ án này, còn về thời hiệu khởi kiện như án sơ thẩm đã nhận định là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[4] Với nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông **T** và Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện độc lập của ông **Lưu Văn H** là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm ông **H** không cung cấp chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông **H** và giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tại Đà Nẵng.

[5] Theo quy định khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án thì ông **H** phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính; Điều 106 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của ông **H** và giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm số 44/2024/HC-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 00741 do **UBND huyện B** cấp cho hộ ông **Lưu Văn H** và bà **Trần Thị N1** đối với thửa đất số 97, tờ bản đồ số 38 **xã B, huyện B**, diện tích 1.315m², loại đất vườn; căn cứ pháp lý vào sổ: Quyết định số 637/2004/QĐ-UB (H), thể hiện tại trang số 100 của Sổ địa chính **xã B, huyện B** được Sở Địa chính tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt ngày 10/3/2006 và trang số 75 của Sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của **UBND xã B** được Sở Địa chính tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt ngày 10/3/2006.

- Hủy Quyết định số 637/2004/QĐ-UB (H) của **UBND huyện B** về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông **Lưu Văn H** và bà **Trần Thị**

N1 đối với thửa đất số 97, tờ bản đồ số 38 xã B, huyện B, diện tích 1.315m², loại đất vườn thể hiện tại trang số 100 của Sổ địa chính xã B, huyện B được Sở Địa chính tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt ngày 10/3/2006 và trang số 75 của Sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND xã B được Sở Địa chính tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt ngày 10/3/2006.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Lưu Văn H về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/05/1997 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao đất Lâm nghiệp để phát triển sản xuất kinh tế rừng cho ông Phạm Trung T tại xã B, huyện B. Cụ thể hủy thửa đất thuộc lô II, khoảnh 19, 20, 21 tại bản đồ giao đất rừng có diện tích 1.315 m² loại đất vườn tại xã B tại bản đồ giao đất rừng theo Quyết định số 1560/QĐ-UB ngày 31/05/1997 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao đất Lâm nghiệp để phát triển sản xuất kinh tế rừng cho ông Phạm Trung T tại xã B, huyện B.

- Ông Lưu Văn H không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án, nếu việc khởi kiện này không có gì khác với vụ án đã bị đình chỉ về người khởi kiện, người bị kiện và quan hệ pháp luật có tranh chấp theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lưu Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0004572 ngày 28/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi, ông H đã nộp xong.

3. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Lê Văn Thường